

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CẦU 75 - CIENCO8

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Hà Nội - Tháng 03 năm 2018

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 33

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ban Giám đốc, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu 75 - CIENCO8 trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu 75 - CIENCO8 (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty Xây dựng cầu 75, được chuyển đổi theo Quyết định số 285/QĐ-TCT8 ngày 24/6/2010 của Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 8 thành Công ty TNHH MTV Xây dựng Cầu 75; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2900324829 ngày 30/9/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp với Vốn điều lệ là 10.492.714.912 đồng. Công ty được chuyển đổi sang mô hình Công ty cổ phần theo Quyết định số 1468/QĐ-BGTVT ngày 30/5/2013 của Bộ Giao thông Vận tải về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH MTV Xây dựng Cầu 75 thành Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu 75 - CIENCO8. Đăng ký kinh doanh thay đổi các lần và lần thứ 5 ngày 21/01/2016.

Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2900324829 ngày 21/01/2016 với vốn điều lệ là 56.400.600.000 đồng (Năm mươi sáu tỷ bốn trăm triệu sáu trăm nghìn đồng chẵn).

Tên Công ty: **Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu 75 - CIENCO8**

Trụ sở chính: Số 160, đường Tựu Liệt, xã Tam Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị	Ông Đào Ngọc Ký	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Quốc Cường	Thành viên
	Ông Ninh Hoài Phương	Thành viên (Chuyển công tác từ ngày 12/01/2017)
	Ông Đặng Đình Đầu	Thành viên
	Ông Phùng Văn Tình	Thành viên

Các thành viên Ban Giám đốc, Hội đồng Quản trị Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc	Ông Phùng Văn Tình	Giám đốc (Bổ nhiệm 30/9/2017)
	Ông Ninh Hoài Phương	Giám đốc (Chuyển công tác từ ngày 12/01/2017)
	Ông Phùng Văn Tình	Phó Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 29/9/2017)
	Ông Trần Đình Thanh	Phó Giám đốc
	Ông Nguyễn Quý Trường	Phó Giám đốc
	Ông Nguyễn Đức Vĩnh	Phó Giám đốc (Chuyển công tác từ ngày 17/5/2017)
	Ông Nguyễn Quốc Cường	Phó Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, Hội đồng Quản trị xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính kèm theo.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ban Giám đốc, Hội đồng Quản trị Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc, Hội đồng Quản trị được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc, Hội đồng Quản trị xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc, Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc, Hội đồng Quản trị cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc, Hội đồng quản trị



Đào Ngọc Ký
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2018

Số: 328/2018/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu 75 - CIENCO8

Kính gửi: **Các cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CẦU 75 - CIENCO8

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu 75 - CIENCO8, được lập ngày 26/03/2018, từ trang 05 đến trang 33, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc, Hội đồng quản trị

Ban Giám đốc, Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc, Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, Hội đồng Quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Như đã trình bày Thuyết minh 6.3 - Thông tin so sánh. Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty đã được kiểm toán. Một số chỉ tiêu đã được điều chỉnh theo Biên bản kiểm toán Nhà nước và Cục thuế Hà Nội ngày 29/9/2017 cho Báo cáo tài chính năm 2016.



Đinh Văn Thắng**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1147-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 03/2018/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2018 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.**

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2018

Nguyễn Thị Mai Hoa**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2018-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 01-DN

MS	TM	31/12/2017 (VND)	01/01/2017 (VND) (Sau điều chỉnh)	31/12/2016 (VND)
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN				
100		320.437.710.425	464.472.799.848	463.384.274.939
I. Tiền và các khoản tương đương tiền				
110	5.1	30.468.558.968	28.168.531.272	28.168.531.272
111		30.468.558.968	28.168.531.272	28.168.531.272
III. Các khoản phải thu ngắn hạn				
130		219.815.082.686	207.135.930.298	206.032.405.389
131	5.2	318.394.200.999	273.941.499.601	273.941.499.601
132	5.3	6.641.146.486	9.635.640.900	9.635.640.900
133		-	1.346.151.575	1.346.151.575
136	5.4	19.215.603.217	26.010.053.585	26.010.053.585
137	5.5	(124.435.868.016)	(103.797.415.363)	(104.900.940.272)
140	5.6	61.044.602.938	213.798.702.878	213.798.702.878
141		61.044.602.938	213.798.702.878	213.798.702.878
V. Tài sản ngắn hạn khác				
150		9.109.465.833	15.369.635.400	15.384.635.400
151	5.7	9.083.682.256	14.110.715.456	14.110.715.456
152		-	1.233.136.367	1.248.136.367
153	5.12	25.783.577	25.783.577	25.783.577
B - TÀI SẢN DÀI HẠN				
200		36.843.901.740	46.906.350.634	46.906.350.634
I. Các khoản phải thu dài hạn				
210		246.925.000	306.925.000	306.925.000
216	5.4	246.925.000	306.925.000	306.925.000
II. Tài sản cố định				
220		28.701.071.310	33.770.721.095	33.770.721.095
221	5.8	28.701.071.310	33.770.721.095	33.770.721.095
222		113.114.058.472	127.547.562.115	127.547.562.115
223		(84.412.987.162)	(93.776.841.020)	(93.776.841.020)
227		-	-	-
228		-	-	-
229		-	-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn				
240		642.872.356	642.872.356	642.872.356
242	5.9	642.872.356	642.872.356	642.872.356
VI. Tài sản dài hạn khác				
260		7.253.033.074	12.185.832.183	12.185.832.183
261	5.7	7.253.033.074	12.185.832.183	12.185.832.183
270		357.281.612.165	511.379.150.482	510.290.625.573

TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 01-DN

	MS	TM	31/12/2017 (VND)	01/01/2017 (VND) (Sau điều chỉnh)	31/12/2016 (VND)
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		285.647.559.307	444.658.319.865	444.452.614.883
I. Nợ ngắn hạn	310		270.410.855.990	432.714.241.906	432.508.536.924
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	135.189.428.509	209.078.735.220	209.078.735.220
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.11	37.583.902.914	90.597.738.567	90.597.738.567
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	30.602.363.308	23.500.672.885	23.294.967.903
4. Phải trả người lao động	314		14.237.553.235	19.280.209.442	19.280.209.442
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	17.209.983.133	22.370.556.837	22.370.556.837
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		19.680.679.752	20.642.659.752	20.642.659.752
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	12.880.762.331	15.856.717.153	15.856.717.153
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.15	-	27.117.064.772	27.117.064.772
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		3.026.182.808	4.269.887.278	4.269.887.278
II. Nợ dài hạn	330		15.236.703.317	11.944.077.959	11.944.077.959
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.14	3.156.071.317	3.156.071.317	3.156.071.317
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.15	12.080.632.000	8.788.006.642	8.788.006.642
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		71.634.052.858	66.720.830.617	65.838.010.690
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.16	71.634.052.858	66.720.830.617	65.838.010.690
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		56.400.600.000	56.400.600.000	56.400.600.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		56.400.600.000	56.400.600.000	56.400.600.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		298.545.000	298.545.000	298.545.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		5.835.852.483	4.420.275.394	4.420.275.394
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		9.099.055.375	5.601.410.223	4.718.590.296
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		3.713.974.104	792.678.804	792.678.804
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		5.385.081.271	4.808.731.419	3.925.911.492
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		357.281.612.165	511.379.150.482	510.290.625.573

Ghi chú: Số liệu ngày 01/01/2017(Sau điều chỉnh) là số liệu của ngày 31/12/2016 đã được điều chỉnh theo Biên bản kiểm toán Nhà nước và Cục thuế Hà Nội ngày 29/9/2017.

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2018
Chủ tịch HĐQT

Người lập



Hoàng Thị Thanh

Kế toán trưởng



Lê Thị Minh Thoa



Đào Ngọc Kỳ

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2016 (VND)	
			Năm 2016 (Sau điều chỉnh)	Năm 2016 (VND)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.17	584.851.833.523	553.464.650.421
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.17	1.831.719.039	1.601.189.781
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.17	583.020.114.484	551.863.460.640
4. Giá vốn hàng bán	11	5.18	538.262.458.079	481.918.201.796
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		44.757.656.405	69.945.258.844
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.19	50.739.179	81.114.005
7. Chi phí tài chính	22	5.20	3.877.395.398	5.491.254.675
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.877.395.398	5.491.254.675
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.21	35.784.252.604	59.293.600.583
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		5.146.747.582	5.241.517.591
11. Thu nhập khác	31	5.22	11.855.770.498	11.810.254.745
12. Chi phí khác	32	5.22	10.145.184.997	10.800.701.911
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	5.22	1.710.585.501	1.009.552.834
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		6.857.333.083	6.251.070.425
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.23	1.472.251.812	1.442.339.006
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		5.385.081.271	4.808.731.419
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.24	955	769
				696

Ghi chú: Số liệu Năm 2016 (sau điều chỉnh) là số liệu năm 2016 đã được điều chỉnh theo Biên bản kiểm toán Nhà nước và Cục thuế Hà Nội ngày 29/9/2017.

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2018

Người lập

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT



[Signature]

[Signature]

Hoàng Thị Thanh

Lê Thị Minh Thoa

Đào Ngọc Kỳ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(theo phương pháp trực tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2017	Năm 2016
		VND	VND
1	2	3	4
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	508.939.286.610	482.953.991.967
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(395.671.667.635)	(387.329.948.854)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(67.691.000.037)	(75.941.472.608)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(2.282.986.546)	(2.976.418.139)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(1.442.339.006)	(12.451.023.041)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	10.737.862.980	49.488.830.243
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(22.476.323.805)	(32.346.369.658)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	30.112.832.561	21.397.589.910
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-	(13.855.809.090)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	47.753.747	81.114.005
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	47.753.747	(13.774.695.085)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	16.000.000.000	14.440.793.205
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(43.850.811.612)	(33.600.396.689)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(9.747.000)	(667.660.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(27.860.558.612)	(19.827.263.984)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	2.300.027.696	(12.204.369.159)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	28.168.531.272	40.372.900.431
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	30.468.558.968	28.168.531.272

Người lập



Hoàng Thị Thanh

Kế toán trưởng



Lê Thị Minh Thoa

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2018

Chủ tịch HĐQT


Đào Ngọc Ký

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu 75 - CIENCO8 (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 285/QĐ-TCT8 ngày 24/6/2010 của Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 8 chuyển từ Công ty Xây dựng Cầu 75 thành Công ty TNHH MTV Xây dựng Cầu 75; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2900324829 ngày 30/9/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp với Vốn điều lệ là 10.492.714.912 đồng. Công ty được chuyển đổi sang mô hình Công ty cổ phần theo Quyết định số 1468/QĐ-BGTVT ngày 30/5/2013 của Bộ Giao thông Vận tải về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH MTV Xây dựng Cầu 75 thành Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu 75 - CIENCO8. Đăng ký kinh doanh thay đổi các lần và lần thứ 5 ngày 21/01/2016.

Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2900324829 ngày 21/01/2016 với vốn điều lệ là 56.400.600.000 đồng (Năm mươi sáu tỷ bốn trăm triệu sáu trăm nghìn đồng chẵn).

Trụ sở chính: Số 160 đường Tựu Liệt, xã Tam Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

Số lao động bình quân : 562 người; trong đó, số lao động tham gia đóng Bảo hiểm bình quân là 269 người.

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Xây dựng các công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Sản xuất các vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác gồm: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Chuẩn bị mặt bằng (không bao gồm: Nổ mìn, dò mìn và các loại tương tự);
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy phát;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi gồm có: Kinh doanh bất động sản;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan, chỉ gồm có: Thiết kế xây dựng công trình giao thông; tư vấn lập hồ sơ mời thầu (không bao gồm hoạt động thiết kế công trình trong ngành nghề này); Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình(Công ty chỉ được kinh doanh một hoặc nhiều ngành nghề theo quy định của pháp luật);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu chỉ gồm có: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép và chỉ kinh doanh theo quy định của pháp luật ./.

Hoạt động chính của Công ty trong năm 2017: Thi công các công trình cầu

1.3. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc, Hội đồng Quản trị Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và Tiền đang chuyển

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Tiền đang chuyển: Dựa vào các lệnh chuyển tiền chưa có giấy báo Nợ và giấy nộp tiền chưa có giấy báo Có

Các khoản tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.



4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.
- Phải thu nội bộ gồm các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác)
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay
- Trích trước Chi phí công trình theo giá trị giao khoán các đội

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận như sau:

Hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu hợp lý được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Chiết khấu thương mại: là khoản bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn, không bao gồm khoản chiết khấu thương mại cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Hàng bán bị trả lại: do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Công ty ghi nhận theo nguyên tắc:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo.
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong năm (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư...) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây dựng các công trình và diễn ra trên khắp lãnh thổ Việt Nam, nên chúng tôi không lập báo cáo bộ phận theo hoạt động sản xuất kinh doanh và theo khu vực địa lý.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	258.873.928	180.566.025
Tiền gửi ngân hàng	30.209.685.040	27.987.965.247
Tổng	30.468.558.968	28.168.531.272

5.2 Phải thu khách hàng ngắn hạn

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Tổng Công ty XDCTGT8-CTCP (Vĩnh Tuy, Chăm Thị, Nút giao Pháp vân, VĐ3, Hồ, PK2, TL80, PK1Ngọc Cầu, DA cao tốc Trung Lương, P1Cần Thơ,...)	97.366.118.845	75.476.274.127
Doanh nghiệp Tư nhân Xuân Trường	23.719.379.949	24.623.174.949
BQL DA Quảng Trị (cầu Sông Hiếu, Khe Mây, Cam Hiếu, Thành Cổ)	17.263.307.000	10.217.844.000
BQLDA các Công trình giao thông Quảng Ninh (Cầu Diễn Vọng, Cầu Pắc Lịch, cầu Pắc Hoóc, cầu Cẩm Hải, cống hợp GT2, cống Khe Xong, Cầu Bắc Luân, Cầu Cổ Ngựa, Cầu Sông Hốt)	38.811.618.594	56.404.870.968
BQLDA Hà Tĩnh (Cầu Thạch Sơn, QL15A, Cầu Đá Đón)	16.384.787.000	19.127.131.000
BQLDAXD Bắc Ninh (cầu Đuống 1, cầu Đuống 2, Trắc Bút Trầm Lá, Cầu Bản)	19.203.839.790	18.076.279.388
Tổng Công ty Xây dựng công trình giao thông 4 (cầu Sông Hốt, Đồng Khê, Nam Hồng)	8.668.258.206	16.310.642.751
Ban quản lý dự án Lạng Sơn (Cầu Kỳ Cùng, Cầu Bó Củng)	9.985.989.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kỹ thuật Vinaconex (Cầu Phước Lý, QL 1A)	21.417.679.612	-
Các đối tượng khác	65.573.223.003	53.705.282.418
Tổng	318.394.200.999	273.941.499.601

5.3 Trả trước cho người bán

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình giao thông 820	735.709.683	735.709.683
Các đối tượng khác	5.905.436.803	8.899.931.217
Tổng	6.641.146.486	9.635.640.900

5.4 Phải thu ngắn hạn khác

		Đơn vị tính: VND	
31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị ghi sổ		Dự phòng
Ngắn hạn	19.215.603.217	26.010.053.585	-
- Phải thu về cổ phần hóa	11.692.000	11.692.000	-
- Ký cược, ký quỹ	719.957.353	2.008.913.590	-
- Phải thu khác	1.420.112.410	1.450.072.637	-
- Tạm ứng	17.063.841.454	22.539.375.358	-
Dài hạn	246.925.000	306.925.000	-
- Ký cược, ký quỹ	246.925.000	306.925.000	-
Tổng	19.462.528.217	26.316.978.585	-

5.5 Nợ xấu

Đơn vị tính: VND

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	147.249.344.877	22.813.476.861	132.304.936.255	28.507.520.892
Trong đó:				
	Quá hạn từ 6 tháng đến 1 năm	Quá hạn từ 1 năm đến 2 năm	Quá hạn từ 2 năm đến 3 năm	Quá hạn trên 3 năm
Cầu Cạn Pháp Vân kéo dài Vành đai 3 giai đoạn 2.				8.746.109.111
Cầu Hồ (Đội 1 Ông Minh)				2.485.944.232
Cầu Kim Chính				8.219.329.793
Cầu Lạch Bạng				1.733.185.300
Cầu Vượt Đường Sắt DAHN-T.Nguyên PK2 -ÔThắng-Tg8				7.927.873.574
GT số 8 - Cầu Vượt Tuyến tránh QL15A Hà Tĩnh				16.002.065.900
Giếng Cát Bắc Thắm Chăm thị.				22.390.694.458
Dự án cầu Cần Thơ (BĐH dự án P1)				5.018.359.461
Dự án đường ô tô cao tốc TP HCM-Trung Lương				5.153.056.461
Nút giao pháp vân Cầu giẽ Thanh Trì				6.485.099.551
Cầu Nhật Tân Nội Bài - Nguyên Khuê				4.138.574.828
Cầu Ninh Chữ, Cầu Cà Lá và Cống hộp Ninh Thuận				3.371.851.439
Cầu Đập Hàn				1.714.229.650
Cầu Sông Hiếu, Khe mây				5.158.963.100
Cầu Vượt Sông Đuống - Gói thầu số 2				7.183.493.421
Cầu Ngọc Cầm PK1				4.877.312.597
Các đối tượng khác				13.829.725.140
Tổng				124.435.868.016

5.6 Hàng tồn kho

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	9.128.241.201	-	18.057.362.562	-
Công cụ, dụng cụ	3.313.727.158	-	3.866.437.013	-
Chi phí SX KDDD	48.602.634.579	-	191.874.903.303	-
Tổng	61.044.602.938	-	213.798.702.878	-

Đơn vị tính: VND

5.7 Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Ngắn hạn	9.083.682.256	14.110.715.456
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	9.083.682.256	14.110.715.456
Dài hạn	7.253.033.074	12.185.832.183
Chi phí công cụ, dụng cụ	7.253.033.074	12.185.832.183
Chi phí khác	-	-
Tổng	16.336.715.330	26.296.547.639

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.8 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2017	10.788.076.840	102.016.782.823	9.633.069.236	3.921.084.733	1.188.548.483	127.547.562.115
Tăng trong năm	-	1.000.000.000	-	-	-	1.000.000.000
Mua trong năm	-	1.000.000.000	-	-	-	1.000.000.000
Giảm trong năm	-	14.571.976.500	-	715.000.000	146.527.143	15.433.503.643
Thanh lý, nhượng bán	-	189.618.358	-	715.000.000	42.857.143	947.475.501
Điều chuyển, phân loại lại	-	14.382.358.142	-	-	103.670.000	14.486.028.142
Số dư tại 31/12/2017	10.788.076.840	88.444.806.323	9.633.069.236	3.206.084.733	1.042.021.340	113.114.058.472
GIÁ TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ						
Số dư tại 01/01/2017	9.936.967.725	75.106.425.830	4.820.471.970	3.075.696.595	837.278.900	93.776.841.020
Tăng trong năm	298.398.996	3.930.792.487	787.140.169	307.236.482	67.280.636	5.390.848.770
Khấu hao trong năm	298.398.996	3.930.792.487	787.140.169	307.236.482	67.280.636	5.390.848.770
Giảm trong năm	-	14.406.651.985	-	217.074.000	130.976.643	14.754.702.628
Thanh lý, nhượng bán	-	189.618.358	-	217.074.000	42.857.143	449.549.501
Điều chuyển, phân loại lại	-	14.217.033.627	-	-	88.119.500	14.305.153.127
Số dư tại 31/12/2017	10.235.366.721	64.630.566.332	5.607.612.139	3.165.859.077	773.582.893	84.412.987.162
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại 01/01/2017	851.109.115	26.910.356.993	4.812.597.266	845.388.138	351.269.583	33.770.721.095
Tại 31/12/2017	552.710.119	23.814.239.991	4.025.457.097	40.225.656	268.438.447	28.701.071.310

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay:

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

6.530.113.637
70.189.180.214

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CẦU 75 - CIENCO8

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là chi phí sửa chữa văn phòng Công ty phát sinh từ những năm trước Công ty chưa thực hiện quyết toán.

5.10 Phải trả người bán ngắn hạn*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	135.189.428.509	135.189.428.509	209.078.735.220	209.078.735.220
Công ty CP Thương mại kim khí và vật tư Hà Nội	4.190.302.009	4.190.302.009	6.548.899.052	6.548.899.052
Công ty CP Xây dựng thương mại và đào tạo 8	388.727.683	388.727.683	1.238.727.683	1.238.727.683
Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh VLXD FICO	11.243.803.980	11.243.803.980	16.296.924.324	16.296.924.324
Công ty TNHH Kinh doanh vật tư tổng hợp	4.718.566.591	4.718.566.591	14.207.689.097	14.207.689.097
Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Cienco8	6.168.595.372	6.168.595.372	-	-
Công ty TNHH Thương mại Đức Giang	3.147.615.790	3.147.615.790	7.019.626.982	7.019.626.982
Công ty TNHH Hoàn Hảo	6.692.278.131	6.692.278.131	21.012.899.837	21.012.899.837
Công ty TNHH Đầu tư dịch vụ và TM Ngọc Diệp	5.858.000.000	5.858.000.000	5.858.000.000	5.858.000.000
Công ty Cổ phần Nền móng Đưa Fat	-	-	9.060.224.000	9.060.224.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Vĩnh Thịnh	1.842.534.163	1.842.534.163	7.746.073.293	7.746.073.293
Công ty Cổ phần Thương mại Kim Khí Hùng Kim	3.837.750.593	3.837.750.593	-	-
Công ty Cổ phần Nam Tân	3.871.871.490	3.871.871.490	-	-
Xí nghiệp Cơ khí và Xây dựng Thăng Long	3.220.017.500	3.220.017.500	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 4	3.019.745.455	3.019.745.455	-	-
Các đối tượng khác	76.989.619.752	76.989.619.752	120.089.670.952	120.089.670.952
b. Dài hạn	-	-	-	-
Tổng	135.189.428.509	135.189.428.509	209.078.735.220	209.078.735.220

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CẦU 75 - CIENCO8
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.11 Người mua ứng tiền trước

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tổng công ty XDCTGT8-CTCP (cầu Cúc Phương, Lạch Tray, Vĩnh Tuy, Cầu Phả Lại, Văn Lâm, PK1C, Long Đại,...)	23.917.377.407	12.701.289.528
Ban Quản lý Dự Án Quảng Ninh (Cầu Cẩm Hải)	-	38.762.851.696
Ban quản lý Dự án Bắc Giang (Cầu Cửa An)	13.170.347.507	-
Công ty Vinaconex- Cầu Phước Lý	-	13.897.416.532
Ban quản lý dự án 5 (Cầu An Tân Đội 10)	94.198.000	9.847.566.000
Ban quản lý Quảng Trị (Cầu Thành Cổ - Đội 6 Đỗ Đức Bình)	-	7.442.331.000
Các đối tượng khác	401.980.000	7.946.283.811
Tổng	37.583.902.914	90.597.738.567

5.12 Thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2017	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2017
Phải nộp	23.500.672.885	26.309.051.684	19.207.361.261	30.602.363.308
Thuế giá trị gia tăng	17.363.677.822	23.781.721.168	13.427.264.577	27.718.134.413
Thuế thu nhập . doanh nghiệp	2.098.176.790	1.472.251.812	1.442.339.006	2.128.089.596
Thuế thu nhập cá nhân	353.555.356	97.001.776	174.393.392	276.163.740
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	6.556.494	515.784.083	515.784.083	6.556.494
Thuế môn bài	-	5.000.000	5.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	3.678.706.423	437.292.845	3.642.580.203	473.419.065
Phải thu	25.783.577	-	-	25.783.577
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	25.783.577			25.783.577

5.13 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	3.778.669.581	3.778.669.581
Chi phí thi công các công trình	13.431.313.552	18.591.887.256
Tổng	17.209.983.133	22.370.556.837

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CẦU 75 - CIENCO8
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.14 Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Ngắn hạn	12.880.762.331	15.856.717.153
Kinh phí công đoàn, công đoàn phí	1.004.584.805	696.402.248
Bảo hiểm xã hội	-	606.953.696
Các khoản phải trả, phải nộp khác	11.876.177.526	14.553.361.209
<i>Phải trả cổ tức</i>	<i>2.897.448.750</i>	<i>2.907.195.750</i>
<i>Các khoản phải trả khác</i>	<i>8.978.728.776</i>	<i>11.646.165.459</i>
Dài hạn	3.156.071.317	3.156.071.317
Nhận ký quỹ ký cược	3.156.071.317	3.156.071.317
Tổng	16.036.833.648	19.012.788.470

5.15 Vay và Nợ thuê tài chính

	31/12/2017		Trong năm		Đơn vị tính: VND 01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	-	-	12.026.372.198	39.143.436.970	27.117.064.772	27.117.064.772
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - CN Hà Nội	-	-	4.000.000.000	11.605.110.145	7.605.110.145	7.605.110.145
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây	-	-	6.026.372.198	25.538.326.825	19.511.954.627	19.511.954.627
Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 8 - CTCP	-	-	2.000.000.000	2.000.000.000	-	-
Vay dài hạn	12.080.632.000	12.080.632.000	10.000.000.000	6.707.374.642	8.788.006.642	8.788.006.642
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Hai Bà Trưng	-	-	-	871.000.000	871.000.000	871.000.000
Ngân hàng TMCP Quốc Dân	-	-	-	2.535.093.750	2.535.093.750	2.535.093.750
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB)	885.432.000	885.432.000	-	424.992.000	1.310.424.000	1.310.424.000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong CN Tây Hà Nội (TPB)	-	-	-	2.048.888.892	2.048.888.892	2.048.888.892
Ngân hàng công thương Hà Tây	1.195.200.000	1.195.200.000	-	827.400.000	2.022.600.000	2.022.600.000
Quỹ đầu tư Phát triển Lạng Sơn	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-	-
Tổng	12.080.632.000	12.080.632.000	22.026.372.198	45.850.811.612	35.905.071.414	35.905.071.414

Hợp đồng tín dụng số 42/2016-HĐTDDA/NHCT320-CAU75 ký giữa Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu 75 – CIENCO8 và Ngân hàng Công thương Việt Nam chi nhánh Hà Tây, Số tiền: 1.295.000.000 đồng, Mục đích vay: thanh toán chi phí đầu tư hợp pháp của dự án vay bù đắp mua máy đào bánh xích KOMATSU và cần trục bánh lốp KATO, Lãi suất: 10%/ năm, Thời hạn: 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

Hợp đồng tín dụng số 09/2016-HĐTDDA/NHCT320-CAU75 ký giữa Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu 75 - CIENCO8 và Ngân hàng Công thương Việt Nam chi nhánh Hà Tây, Số tiền: 1.150.000.000 đồng, Mục đích vay: thanh toán chi phí đầu tư hợp pháp của dự án vay bù đắp mua máy đào bánh xích KOMATSU và cần trục bánh XÍCH HITACHI, Lãi suất: 10%/ năm, Thời hạn: 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CẦU 75 - CIENCO8

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.15 Vay và Nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

Hợp đồng cho vay số 06-07.16/KUNN/THN ngày 17/08/2016 ký giữa Công ty CP XD Cầu 75 - CIENCO8 và Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Tây Hà Nội; Số tiền vay 1.330.000.000 đồng; Mục đích vay: Mua 01 xe oto tải nhãn hiệu DONGFENG - HOANG HUY gắn cầu SANY - PALFINGER 8 Tấn; Lãi suất vay đến 23/2/2017 6.9%/năm, biên độ 2.5%/năm; Thời hạn vay 36 tháng. Tài sản này đã được Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Tây Hà Nội giải chấp ngày 09/11/2017.

Hợp đồng cho vay số 04-08.16/KUNN/THN ngày 31/08/2016 ký giữa Công ty CP XD Cầu 75 - Cienco8 và Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Tây Hà Nội; Số tiền vay 1.040.000.000 đồng; Mục đích vay: Mua 01 trạm trộn BT mới 100%; Lãi suất vay đến 31/11/2016 là 9%/năm, biên độ 2.3%/năm; Thời hạn vay 24 tháng. Tài sản này đã được Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Tây Hà Nội giải chấp ngày 09/11/2017.

Khoản vay với Quỹ Đầu tư và Phát triển tỉnh Lạng Sơn theo hợp đồng tín dụng số 16A/HĐTD/2017 tại ngày 14/06/2017. Mục đích sử dụng khoản vay để phục vụ thi công công trình Cầu Kỳ cùng, thành phố Lạng Sơn. Thời hạn khoản vay là 18 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất cho vay 7% / tháng, khoản vay không có tài sản đảm bảo.

5.16 Vốn chủ sở hữu**a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu***Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2016	56.400.600.000	298.545.000	1.223.052.662	5.076.201.085	62.998.398.747
Tăng vốn	-	-	-	-	-
Lãi trong năm	-	-	-	4.808.731.419	4.808.731.419
Giảm khác	-	-	-	-	-
Trích lập các quỹ			3.197.222.732	(4.262.963.643)	(1.065.740.911)
Giảm theo Biên bản kiểm tra thuế XN2	-	-	-	(35.558.638)	(35.558.638)
Tăng khác				15.000.000	15.000.000
Số dư tại 31/12/2016	56.400.600.000	298.545.000	4.420.275.394	5.601.410.223	66.720.830.617
Số dư tại 01/01/2017	56.400.600.000	298.545.000	4.420.275.394	5.601.410.223	66.720.830.617
Lãi trong năm nay	-	-	-	5.385.081.271	5.385.081.271
Trích lập các quỹ			1.415.577.089	(1.887.436.119)	(471.859.030)
Số dư tại 31/12/2017	56.400.600.000	298.545.000	5.835.852.483	9.099.055.375	71.634.052.858

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 8 -CTCP	37.922.650.000	33.406.870.000
Các cổ đông khác	18.477.950.000	22.993.730.000
Tổng	56.400.600.000	56.400.600.000

5.16 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	56.400.600.000	56.400.600.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	56.400.600.000	56.400.600.000
Cổ tức đã chia	-	-
Phân phối các quỹ	1.887.436.119	4.262.963.643

d. Cổ phiếu

	31/12/2017	01/01/2017
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.640.060	5.640.060
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.640.060	5.640.060
Cổ phiếu phổ thông	5.640.060	5.640.060
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.640.060	5.640.060
Cổ phiếu phổ thông	5.640.060	5.640.060
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

5.17 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
		(Sau điều chỉnh)
Doanh thu xây dựng	584.851.833.523	553.464.650.421
Tổng	584.851.833.523	553.464.650.421
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hàng bán bị trả lại	1.831.719.039	1.601.189.781
Tổng	1.831.719.039	1.601.189.781
Doanh thu thuần		
Doanh thu xây dựng	583.020.114.484	551.863.460.640
Doanh thu thuần	583.020.114.484	551.863.460.640

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.18 Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND (Sau điều chỉnh)
Giá vốn xây dựng	538.262.458.079	481.918.201.796
Tổng	538.262.458.079	481.918.201.796

5.19 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND (Sau điều chỉnh)
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	50.739.179	81.114.005
Tổng	50.739.179	81.114.005

5.20 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND (Sau điều chỉnh)
Lãi tiền vay	3.877.395.398	5.491.254.675
Tổng	3.877.395.398	5.491.254.675

5.21 Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND (Sau điều chỉnh)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	35.784.252.604	59.293.600.583
Chi phí nhân viên quản lý	8.869.499.489	10.711.365.796
Chi phí vật liệu quản lý	-	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	136.748.534	250.184.673
Chi phí khấu hao TSCĐ	605.635.479	1.299.100.548
Thuế phí và lệ phí	972.815.227	1.384.431.643
Chi phí dự phòng	20.638.452.653	39.124.655.554
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.337.413.322	3.355.006.512
Chi phí bằng tiền khác	3.223.687.900	3.168.855.857
Chi phí bán hàng	-	-
Tổng	35.784.252.604	59.293.600.583

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.22 Thu nhập khác/Chi phí khác

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND (Sau điều chỉnh)
Thu nhập khác		
Thu chuyển nhượng QSD Đất		1.550.000.000
Thu thanh lý tài sản	965.598.909	2.138.305.310
Thu cho thuê máy, nhân công	5.014.364.250	1.630.465.091
Xuất bán bê tông, vật tư	4.925.637.737	6.477.601.600
Thu tiền phạt, tiền bồi thường	591.348.322	13.882.744
Thu nhập khác	358.821.280	-
Tổng	11.855.770.498	11.810.254.745
Chi phí khác		
Chi phí và giá trị còn lại thanh lý	807.653.633	2.040.526.990
Bồi thường thiệt hại	80.000.000	
Phạt chậm nộp thuế	423.925.979	305.056.322
Xuất bán bê tông, vật tư	5.430.753.860	5.827.790.214
Chi phí cho thuê máy, nhân công	3.133.635.207	554.117.795
Chi phí QSD Đất	-	1.646.400.000
Điều chỉnh theo thanh tra thuế VP, XN1, XN2	-	383.113.739
Chi phí khác	269.216.318	43.696.851
Tổng	10.145.184.997	10.800.701.911
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	1.710.585.501	1.009.552.834

5.23 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND (Sau điều chỉnh)
Lợi nhuận kế toán trước thuế	6.857.333.083	6.251.070.425
Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế	503.925.979	710.874.606
<i>Chi phí không được trừ (Tiền phạt hành chính và chậm nộp thuế)</i>	<i>503.925.979</i>	<i>710.874.606</i>
Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế	-	-
Thu nhập chịu thuế	7.361.259.062	6.961.945.031
Thuế TNDN phải nộp	1.472.251.812	1.392.389.006
Điều chỉnh thuế của năm trước và Truy thu thuế	-	49.950.000
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.472.251.812	1.442.339.006

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.24 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND (Sau điều chỉnh)
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	5.385.081.271	4.808.731.419
Các khoản điều chỉnh		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm (Trích quỹ khen thưởng phúc lợi)</i>	-	471.859.030
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	5.385.081.271	4.336.872.389
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	5.640.060	5.640.060
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	955	769

Lãi trên cổ phiếu năm 2016 trình bày lại do trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2016. Lãi trên cổ phiếu năm 2017 chưa bao gồm các thay đổi của việc trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận 2017 (nếu có)

5.25 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND (Sau điều chỉnh)
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	232.143.499.004	272.342.749.313
Chi phí nhân công	55.956.746.727	69.425.749.012
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.390.848.770	5.794.708.964
Chi phí dịch vụ mua ngoài	124.674.843.168	171.521.468.902
Chi phí khác bằng tiền	4.196.503.127	4.553.287.500
Chi phí dự phòng, bảo hành	20.638.452.653	39.124.655.554
Tổng	443.000.893.449	562.762.619.245

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CẦU 75 - CIENCO8

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 Thông tin về các bên liên quan****Giao dịch với các nhân sự chủ chốt và cổ đông**

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2017	Năm 2016
		VND	VND (Sau điều chỉnh)
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc	Lương và Thù lao	2.230.052.285	2.982.237.666

Giao dịch các bên liên quan khác

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2017	Năm 2016
		VND	VND (Sau điều chỉnh)
Bán hàng và cung cấp dịch vụ			
Tổng Công ty XDCT Giao thông 8 - CTCP	Cầu Cốc Pài Hà Giang	-	1.753.447.767
Tổng Công ty XDCT Giao thông 8 - CTCP	Cầu Km43+122, Km38+548,89 La Sơn Túy Loan Đội 4	41.329.876.722	22.138.415.892
Tổng Công ty XDCT Giao thông 8 - CTCP	Cầu Sông Rút Đội 9	-	1.588.227.273
Tổng Công ty XDCT Giao thông 8 - CTCP	Nút giao tỉnh lộ 80 Đường Láng hoà Lạc (XN1)	(127.242.777)	(436.856.966)
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Giao thông 829	Bán bê tông Cầu Km 41 La Sơn	510.508.000	1.296.236.091
Tổng Công ty XDCT Giao thông 8 - CTCP	Thanh lý xe ô tô Toyota	521.000.000	-
Mua hàng hóa và dịch vụ			
Công ty Cổ phần XDCTGT 829	Bán bê tông	290.616.651	-
Công ty XDCT Giao thông 810	Điện nước	26.812.827	-
Tổng Công ty XDCT Giao thông 8 - CTCP	Thuê trạm trộn bê tông	-	150.000.000
Xí nghiệp xây dựng cầu đường 2 - Cienco8	Phân bổ Chi phí Lán trại Gói thầu XL24 La Sơn Túy Loan	373.530.024	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu - Cienco 8	Mua vật tư xây dựng	16.751.180.428	-

6.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

Giao dịch các bên liên quan khác (Tiếp theo)

Số dư các bên liên quan	Tính chất giao dịch	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Phải thu khách hàng			
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Giao thông 892 (Cầu Hạ Lưu, Nước Trong, Quảng Ngãi)	Thi công xây dựng	319.491.000	319.491.000
Ban điều hành Dự án XD Đường Cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình, gói thầu số 4	Thi công xây dựng	22.390.694.458	22.390.694.458
Nút giao thông tỉnh lộ 80 Đường Láng Hoà Lạc (XN1)	Thi công xây dựng	661.699.007	801.066.062
Đội 9 Cầu Văn Lâm BDH DA Cầu Giẽ Tổng 8	Thi công xây dựng	724.921.286	724.921.286
Cầu Cốc Pải Hà Giang	Thi công xây dựng	354.750.000	354.750.000
Cầu Cạn Pháp Vân kéo dài Vành đai 3 GĐ2	Thi công xây dựng	10.808.483.707	10.808.483.707
Ban điều hành dự án đường Hồ Chí Minh (Cầu Khe Nấm, Cầu Km66, Cầu Đá Có)	Thi công xây dựng	945.628.551	945.628.551
Cầu Vượt Đường sắt DA Hà Nội - Thái Nguyên PK2	Thi công xây dựng	7.927.873.574	7.927.873.574
Ban điều hành dự án Phía Nam	Thi công xây dựng	386.588.224	386.588.224
Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Việt Lào	Thi công xây dựng	267.768.450	267.768.450
Ban điều hành Dự án P1 - Cầu Cần Thơ	Thi công xây dựng	5.018.359.461	5.018.359.461
Dự án đường ô tô cao tốc Tp. HCM -Trung Lương	Thi công xây dựng	5.153.056.461	5.153.056.461
Đúc Dầm Cầu Ngọc Cầu	Thi công xây dựng	5.516.536.694	5.516.536.694
Nút giao Pháp Vân Cầu Giẽ Thanh Trì	Thi công xây dựng	8.168.872.049	8.168.872.049
Cầu Vĩnh Tuy	Thi công xây dựng	1.264.620.067	2.351.992.263
Cầu Vượt số 7 Km26+740 PK1C Yên Phong	Thi công xây dựng	164.948.600	164.948.600
Cầu Hồ	Thi công xây dựng	2.485.944.232	2.485.944.232
Cầu Km43+122, Km38+548,89 La Sơn Túy Loan Đội 4	Thi công xây dựng	23.269.841.987	884.258.505
Cầu Sông Rút Đội 9	Thi công xây dựng	349.410.000	1.747.050.000
Công ty Cổ phần Đầu tư & Xây dựng số 703 (Cầu Pắc Tích - Tuyên Quang)	Thi công xây dựng	-	388.880.000
Cầu Giá	Thi công xây dựng	703.091.650	703.091.650
Cầu An Sương, An Lạc	Thi công xây dựng	484.139.387	484.139.387

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CẦU 75 - CIENCO8

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**Giao dịch các bên liên quan khác (Tiếp theo)**

Số dư các bên liên quan	Tính chất giao dịch	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Phải trả người bán			
Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại và Đào tạo 8	Thi công xây dựng	388.727.683	1.238.727.683
Xí nghiệp xây dựng cầu đường 2 - Cienco8	Thi công xây dựng	373.530.024	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Giao thông 829	Thi công xây dựng	213.983.651	-
Tổng Công ty XDCT Giao thông 8 - CTCP	Thi công xây dựng	-	122.900.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Giao thông 838	Thi công xây dựng	539.974.332	539.974.332
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Cienco 8	Thi công xây dựng	6.168.595.372	-
Người mua ứng tiền trước			
Cầu dẫn Phả Lại Bắc Ninh Hải Dương	Thi công xây dựng	9.918.889.500	9.918.889.500
Ban điều hành dự án Hồ Chí Minh - Cúc Phương	Thi công xây dựng	1.608.542.362	1.608.542.362
Cầu Trâm - Ban điều hành Tổng Công ty XDCTGT 8 - CTCP	Thi công xây dựng	775.212.256	775.212.256
Cầu Long Đại - BQL Hồ Chí Minh	Thi công xây dựng	270.279.654	270.279.654
Cầu Lạch Tray - Ban điều hành Tổng Công ty XDCTGT 8 - CTCP	Thi công xây dựng	128.365.756	128.365.756
Cầu Sông Cầu, Thái Nguyên - Tổng Công ty XDCTGT 8 - CTCP	Thi công xây dựng	9.717.387.879	-
Cầu Đập Dâng Phú Hòa, Bình Định - Tổng Công ty XDCTGT 8 - CTCP	Thi công xây dựng	1.498.700.000	-
Trả trước cho người bán			
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình 820	Thi công xây dựng	735.709.683	735.709.683
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình giao thông 842	Thi công xây dựng	52.759.840	52.759.840
Công ty XDCT Giao thông 810	Dịch vụ khác	11.917.045	-
Tổng Công ty XDCT Giao thông 8 - CTCP	Thi công xây dựng	42.100.000	-
Phải trả nội bộ			
Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 8	Thi công xây dựng	19.680.679.752	20.642.659.752

6.2 Báo cáo bộ phận

Công ty hoạt động trong lĩnh vực thi công các công trình xây dựng trên khắp lãnh thổ Việt Nam, nên chúng tôi không lập báo cáo bộ phận theo hoạt động sản xuất kinh doanh và theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CẦU 75 - CIENCO8

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty đã được kiểm toán. Một số chỉ tiêu đã được điều chỉnh theo Biên bản kiểm toán Nhà nước và Cục thuế Hà Nội ngày 29/9/2017 cho Báo cáo tài chính năm 2016, cụ thể như sau:

Các chỉ tiêu trên Bảng Cân đối kế toán

Chỉ tiêu	Số dư tại 01/01/2017 VND	Số dư tại 31/12/2016 VND	Chênh lệch VND
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(103.797.415.363)	(104.900.940.272)	1.103.524.909
Thuế GTGT được khấu trừ	1.233.136.367	1.248.136.367	(15.000.000)
Cộng thay đổi Tài sản			1.088.524.909
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	23.500.672.885	23.294.967.903	205.704.982
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	5.601.410.223	4.718.590.296	882.819.927
Cộng thay đổi Nguồn vốn			1.088.524.909

Báo cáo Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Chỉ tiêu	Năm 2016 (sau điều chỉnh)	Năm 2016	Chênh lệch
Chi phí quản lý doanh nghiệp	59.293.600.583	60.397.125.492	(1.103.524.909)
Chi phí thuế TNDN	1.442.339.006	1.221.634.024	220.704.982
Lợi nhuận sau thuế	4.808.731.419	3.925.911.492	882.819.927
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	769	696	73

Danh mục bút toán điều chỉnh theo Biên bản kiểm toán Nhà nước và Cục thuế Hà Nội ngày 29/9/2017

STT	Nội dung điều chỉnh	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi chưa đầy đủ hồ sơ theo Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009	642	2293	(1.103.524.909)
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp tương ứng chi phí dự phòng phải thu khó đòi điều chỉnh trên	8211	3334	220.704.982
3	Kết chuyển thuế GTGT được khấu trừ và phải nộp năm 2016	3331	133	15.000.000
4	Kết chuyển kết quả hoạt động kinh doanh	911	642	(1.103.524.909)
		911	8211	220.704.982
		421	911	(882.819.927)

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2018

Người lập

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT



Hoàng Thị Thanh



Lê Thị Minh Thoa



Đào Ngọc Ký



MOORE STEPHENS

INTERNATIONAL LIMITED

A member of  *Members in principal cities throughout the world*

Moore Stephens International Limited, registered in England and Wales with registered number 221527.

A list of directors names is available at the company's registered Office and principal place of business:

150 Aldersgate Street, London EC 1A 4AB, England, U.K.

Tel: +44 (0) 20 7334 9191, Fax: +44 (0) 20 7651 1637

www.moorestephens.com

CPA VIETNAM was established in Hanoi, Vietnam more than a decade ago, CPA VIETNAM is a member firm of Moore Stephens International Limited (MSIL) and managed by Moore Stephens Asia Pacific Limited (MSAP).

Head office and principal place of business: 8th floor, VG office building, No 235 Nguyen Trai Street, Thanh Xuan District, Hanoi, Vietnam.

Tel: + 84 (24) 3 783 2121, Fax: + 84 (24) 3 783 2122

www.cpavietnam.vn